

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15-3-2019.

"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Lũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ông Vũ Quang Nguyên.

2. Bà: Đào Thị Hải Lý.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Chung - KSV.

Ngày 15 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Động mở phiên toà xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 186/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Trà M - Sinh năm 1987. (Có mặt)

HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Thôn T - xã B - huyện H - tỉnh Tuyên Quang.

+ Bị đơn: Anh Tạ Văn L - Sinh năm 1973. (Vắng mặt)

HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Tạ Vinh Q - Sinh ngày 26/8/2013.

HKTT: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

Nơi ở hiện nay: Thôn T - xã B - huyện H - tỉnh Tuyên Quang.

+ Người làm chứng: Bà Vương Thị G - Sinh năm 1933. (Vắng mặt)

Trú tại: Thôn T - xã T - huyện K - tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Vũ Thị Trà M trình bày:

Chị và anh Tạ Văn L, sinh năm 1973 trú tại: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên là hai người khác địa phương kết hôn với nhau trên cơ sở hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/5/2014. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị về ngay gia đình anh L làm ăn chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng chung sống với nhau không hợp nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó

thì anh L thường xuyên chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình, từ đó dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mặc dù chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi. Tuy nhiên chị cũng đã cố gắng khắc phục để vợ chồng hàn gắn tình cảm, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng đến tháng 10/2017 thì chị bỏ gia đình anh L về gia đình nhà bố, mẹ đẻ ở thôn T, xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau quá lâu không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa, chị kiên quyết đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để chị có điều kiện tạo lập cuộc sống mới.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Vinh Q, sinh năm 26/8/2013. Thực tế cháu Q là con riêng của chị trước khi kết hôn với anh L chị khai sinh cháu mang họ của chị và tên là Vũ Đức T nhưng sau khi kết hôn với anh L, chị và anh L thống nhất đổi họ, tên cho cháu theo họ của anh L là Tạ Vinh Q. Theo quyết định số 58/QĐ- UBND ngày 20/6/2014 của UBND xã B, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị và anh L sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập anh L nhiều lần để tiến hành mở phiên họp việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đoàn tụ vợ chồng nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ vợ chồng cho anh, chị được.

Ngày 27 tháng 12 năm 2018 Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Vương Thị G (là mẹ đẻ của anh L) để xác minh về mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh L được bà G cung cấp: Bà đã nhận được thông báo thụ lý vụ án số: 186/TB - TLVA ngày 12/12/2018 và giấy triệu tập của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, sau khi bà nhận được đã giao lại cho anh L nắm được.

- Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng sống ly thân nhau như chị M khai là đúng. Nay chị M xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình được nữa và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết cho chị được ly hôn với anh L. Quan điểm của bà mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng anh L, chị M về chung sống đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nếu chị M vẫn kiên quyết xin ly hôn với anh L bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung của vợ chồng: Bà xác định trong quá trình chung sống anh L và chị M có 01 con chung là cháu Tạ Vinh Q, sinh ngày 26/8/2013 như chị M khai là đúng.

Hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị M. Quan điểm của bà nếu chị M và anh L ly hôn bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung; Công nợ: Bà không nắm được đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về công sức: Bà xác định chị M không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản của gia đình bà.

- Về ruộng canh tác: Giữa chị M và anh L không có gì liên quan với nhau.

Bà xác định hiện anh L đang đi làm ăn thường xuyên không có mặt ở nhà. Nếu Tòa án tiến hành triệu tập hay thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L, bà đề nghị Tòa án gửi về cho gia đình bà và gia đình bà sẽ có trách nhiệm giao tận tay và thông báo các nội dung của văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L nắm được để anh L bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Cùng ngày 27/12/2018 Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương về tình trạng hôn nhân của anh, chị được địa phương cung cấp: Chị M và anh L là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương vào ngày 21/5/2014. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương chị M về ngay gia đình anh L làm ăn chung sống. Theo địa phương được biết thì vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh L thường xuyên đi chơi bởi không chịu tu chí làm ăn. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và ngày càng căng thẳng đến khoảng giữa năm 2017 thì chị M bỏ gia đình anh L về gia đình bố, mẹ đẻ làm ăn sinh sống và vợ chồng sống ly thân nhau từ đó cho đến nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh L và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên giải quyết. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án tiến hành xác minh và căn cứ vào lời khai của các đương sự để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Địa phương xác định quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Vinh Q như chị M khai là đúng. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị M. Quan điểm của địa phương nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng và tình hình thực tế để giải quyết vụ án đảm bảo quyền lợi của con chung.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức: Địa phương không nắm được đề nghị Tòa án xác minh và giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về ruộng canh tác: Giữa anh L và chị M không có gì liên quan với nhau.

Ngày 18/02/2019 Tòa án tiếp tục tiến hành xác minh, lấy lời khai của bà G về việc giao các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L, được bà G cung cấp: Theo yêu cầu của gia đình đề nghị Tòa án gửi các văn bản tố tụng có liên quan đến vụ án cho anh L về cho gia đình bà, gia đình bà có trách nhiệm giao tận tay và thông báo nội dung các văn bản tố tụng cho anh L để anh L nắm được và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Gia đình bà đều đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải và thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải của Tòa án. Tuy nhiên do điều kiện anh L đang đi làm ăn thường xuyên không có mặt ở nhà, gia đình bà đã gửi và thông báo các nội dung văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L nắm được. Anh L có quan điểm: Về tình cảm nhất trí ly hôn với chị M; Về con chung: Anh L nhất trí giao

chị M được tiếp tục, trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành niên, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M; Về tài sản chung, công nợ, công sức, ruộng canh tác: Anh L nhất trí tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết. Gia đình bà xin thông báo lại cho Tòa án nắm được để căn cứ vào tình hình thực tế giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ngày 06/3/2019 Tòa án nhân dân huyện Kim Động đã mở phiên tòa xét xử công khai sơ thẩm vụ án ly hôn giữa chị M và anh L. Tại phiên tòa chỉ có mặt chị M còn anh L vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử phải ra quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục mở phiên tòa xét xử vào ngày 15/3/2019.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị M giữ nguyên quan điểm xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, hạnh phúc gia đình không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, vợ chồng đã sống ly thân nhau quá lâu, chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L để chị sớm được ổn định cuộc sống. Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Vinh Q, sinh ngày 26/8/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng với chị. Quan điểm của chị nếu vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi thành niên, chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh L theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý vụ án đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Hội đồng xét xử hoàn toàn hợp pháp, việc điều hành của hội đồng xét xử tại phiên tòa tuân thủ pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ các quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và người làm chứng tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật.

* Đề xuất của Kiểm sát viên:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51,56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị Trà M được ly hôn với anh Tạ Văn L.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung của vợ chồng là cháu Tạ Vinh Q, sinh ngày 26/8/2013 cho chị M được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung

cho chị. Anh L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung chị M không được ngăn cản.

- Về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác: Chị M tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

Sau này anh L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác của vợ chồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đương sự.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Trà M và anh Tạ Văn L là hai người khác địa phương kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên vào ngày 21/5/2014, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12/2015 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo các tài liệu chứng cứ thu thập được thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh L là do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày, trong làm ăn kinh tế và nuôi dạy con chung. Bên cạnh đó thì anh L thường xuyên chơi bời cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn và không quan tâm gì đến gia đình, mặc dù chị M đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh L không thay đổi. Mâu thuẫn vợ chồng kéo dài và căng thẳng, đỉnh điểm là đến tháng 10/2017 thì anh chị sống ly thân nhau. Trong thời gian anh, chị sống ly thân nhau thì không ai quan tâm đến ai, kinh tế vợ chồng hoàn toàn độc lập càng làm cho mâu thuẫn vợ chồng thêm sâu sắc, tình cảm vợ chồng ngày càng dạn nứt, hạnh phúc gia đình không đạt được.

Sau khi chị M có đơn xin ly hôn anh L gửi Tòa án. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án và thông báo cho anh L, gia đình anh L đều nhận được các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án và đã thông báo cho anh L biết nội dung nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do. Do vậy Tòa án không thể tiến hành hoà giải để vợ chồng đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình được, còn chị M vẫn giữ nguyên quan điểm kiên quyết xin ly hôn.

Như vậy qua phân tích trên Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa hai anh, chị đã phát sinh và kéo dài, thời gian anh, chị sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau đã quá lâu. Thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh L đã đến mức trầm trọng, hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, cần thiết giải quyết cho anh, chị được ly hôn để mỗi người có điều kiện đi xây dựng cuộc sống mới.

* Con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Tạ Vinh Q, sinh ngày 26/8/2013. Hiện nay cháu Q đang ở cùng với chị M. Chị M có nguyện vọng nếu vợ chồng ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung đến tuổi thành niên và chị tự nguyện không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Hội đồng xét xử nhận thấy bản thân anh L thường xuyên đi làm ăn không có mặt ở nhà, thông qua gia đình là bà G (mẹ đẻ của anh) thể hiện anh cũng nhất trí với nguyện vọng của chị M và tránh sự sáo trộn sinh hoạt của cháu cần giao con chung của vợ chồng

cho chị M được tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung chị M không được ngăn cản.

*Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Chị M tự nguyện không yêu cầu Toà án giải quyết. Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự cần ghi nhận nên không đặt ra giải quyết.

Sau này anh L có đơn khởi kiện yêu cầu về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác của vợ chồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

*Án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Về hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Trà M được ly hôn anh Tạ Văn L.

* Về Con chung: Giao cho chị M được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là cháu Tạ Vinh Q, sinh ngày 26/8/2013 đến tuổi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị, anh L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung chị M không được ngăn cản.

* Tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Không đặt ra giải quyết.

Sau này anh L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về tài sản chung; Công nợ; Công sức; Ruộng canh tác của vợ chồng sẽ giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

* Án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 007500 ngày 12 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Động. Chị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKS + THA huyện;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Lũng

